TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ RG TỈNH KIÊN GIANG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **113/**2024/HNGĐ-ST
Ngày: 27/11/2024
V/v: "Xin ly hôn, tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ RG – TỈNH KIÊN GIANG

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Thạch Sô Phép

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Đoàn Thị Liễu

Bà Hồ Thị Ngân

Thư ký phiên tòa: Bà Danh Thị Sà Ron – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố RG, tỉnh Kiên Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố RG, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hồng Nhung – Kiểm sát viên

Trong ngày 27/11/2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố RG, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục chung vụ án thụ lý số 442/2023/TLST-HNGĐ, ngày 10 tháng 10 năm 2023, về việc "Xin ly hôn, tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 120/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 10 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 63/2024/QĐST-HNGĐ ngày 08 tháng 11 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Võ Thị Yến N, sinh năm 1979 (có mặt)

Địa chỉ: Số nhà 19/17/2 đường TQT, phường VT, thành phố RG, tỉnh Kiên Giang.

2. Bị đơn: Anh Tô Phước Th, sinh năm 1972 (vắng mặt)

Địa chỉ: Số nhà 69 đường PNT, phường VT, thành phố RG, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 28/7/2023 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn chị Võ Thị Yến N trình bày: Tôi và anh Th tự quen biết, sau đó hai bên tìm hiểu nhau và chung sống

với nhau như vợ chồng vào năm 1997, không có tổ chức lễ cưới, không có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Sau khi chung sống hai vợ chồng sống tại số nhà nhà 19/17/2 đường TQT, phường VT, thành phố RG, tỉnh Kiên Giang.

Nguyên nhân xin ly hôn: Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến năm 2002 bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng ý kiến trong cách sống hàng ngày, tính tình đôi bên không phù hợp, thường xuyên cự cãi, từ đó tình cảm vợ chồng rạn nứt, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn và đã sống ly thân từ năm 2002 đến nay. Nay chị N xác định không còn tình cảm với anh Th nên làm đơn xin ly hôn với anh Th.

- Về con chung: Chị Võ Thị Yến N xác định có 01 người con chung tên Tô Phước An, sinh ngày 31/01/2000 (hiện đã trưởng thành và có đầy đủ năng lực hành vi dân sự).

Chị N xác định hiện nay chị không có mang thai.

- Về tài sản, nợ chung: Chị Võ Thị Yến N xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn anh Tô Phước Th đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các thông báo về việc thụ lý vụ án; thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên toà cho anh Tô Phước Th theo đúng trình tự do Bộ luật tố tụng dân sự quy định, nhưng anh Th không có ý kiến trình bày và vắng mặt không có lý do.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố RG phát biểu ý kiến về thủ tục tố tụng và quan điểm giải quyết vụ án:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án theo thủ tục sơ thẩm đến thời điểm này về cơ bản Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 của Bộ luật tố tụng dân sự. Riêng về thời hạn chuẩn bị xét xử vụ án là chưa đảm bảo đúng quy định tại khoản 1 Điều 203 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên toà: Đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 71 của Bộ luật tố tụng dân sự. Riêng bị đơn anh Tô Phước Th chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Chị N và anh Th kết hôn với nhau trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, không có tổ chức lễ cưới, nhưng anh chị cũng không có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật về Luật Hôn nhân và gia đình. Nên đây là hôn nhân không hợp pháp.

Về con chung: Chị N xác định có 01 người con chung tên Tô Phước An, sinh ngày 31/01/2000 (hiện đã trưởng thành và có đầy đủ năng lực hành vi dân sự).

Về tài sản, nợ chung: Chị N xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Xét thấy trong trường hợp anh Th phản đối yêu cầu ly hôn, con chung, tài sản chung, nợ chung của chị N thì phải thể hiện bằng văn bản và phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho sự phải đối đó. Tuy nhiên từ khi Tòa án thụ lý đến nay anh Th vẫn không có ý kiến về yêu cầu ly hôn, nuôi con chung, tài sản cũng như nợ chung trong thời kỳ hôn nhân giữa anh Th với chị N.

Từ các cơ sở đã phân tích ở trên, căn cứ vào Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 11 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000, không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Th với chị N.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thủ tục tố tụng: Chị Võ Thị Yến N khởi kiện yêu cầu "Xin ly hôn, tranh chấp nuôi con chung" với anh Tô Phước Th. Do đó đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình theo quy định khoản 1 Điều 28 và khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố RG, tỉnh Kiên Giang.

Tòa án đã triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng bị đơn anh Tô Phước Th vẫn vắng mặt không rõ lý do và chị N đồng ý xét xử vắng mặt anh Th. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh Th.

Đối với ý kiến của vị đại diện Viện kiểm sát về thời hạn chuẩn bị xét xử: Tòa án nhận thấy do vụ án cần có thời gian điều tra, xác minh nên kéo dài thời gian, vi phạm thời hạn xét xử theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về áp dụng pháp luật: Quan hệ hôn nhân chị N và anh Th chung sống với nhau vào năm 1997, theo quy định tại khoản 1 Điều 131 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 thì áp dụng Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 để giải quyết. Đối với

vụ việc về hôn nhân và gia đình thì áp dụng các quy định và điều luật của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 để giải quyết.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị N và anh Th kết hôn với nhau trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có tổ chức lễ cưới, nhưng anh chị không có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật về Luật Hôn nhân và gia đình. Nên đây là hôn nhân không hợp pháp, vì đã vi phạm vào khoản 1 Điều 11 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000.

Tại khoản 1 Điều 11 có quy định: " Nam, nữ không đăng ký kết hôn mà chung sống với nhau như vợ chồng thì không được pháp luật công nhận là vợ chồng". Do đó Hội đồng xét xử không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Võ Thị Yến N và anh Tô Phước Th.

[4] Về quan hệ con chung: Chị N xác định có 01 người con chung tên Tô Phước An, sinh ngày 31/01/2000 (hiện đã trưởng thành và có đầy đủ năng lực hành vi dân sự).

[5] Về tài sản chung: Chị N xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6] Về nợ chung: Chị N xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[7] Anh Tô Phước Th không có ý kiến trình bày tại Tòa án về vấn đề con chung, tài sản chung, nợ chung; nếu sau này anh Th có tranh chấp về các vấn đề trên thì có quyền khởi kiện thành vụ kiện khác.

[8] Hội đồng xét xử thống nhất với đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố RG về quan điểm giải quyết vụ án.

[9] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Võ Thị Yến N là nguyên đơn nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng khoản 1 Điều 11 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000;

Áp dụng các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng Điều 25, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Võ Thị Yến N và anh Tô Phước Th.

2. Về quan hệ con chung: Chị Võ Thị Yến N xác định có 01 người con chung tên Tô Phước An, sinh ngày 31/01/2000 (hiện đã trưởng thành và có đầy đủ năng lực hành vi dân sự).

3. Về tài sản chung: Chị Võ Thị Yến N xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nợ chung: Chị Võ Thị Yến N xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị Võ Thị Yến N cam kết ly hôn không nhằm mục đích trốn tránh nghĩa vụ trả nợ đối với người khác.

5. Về án phí: Buộc chị Võ Thị Yến N phải nộp án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000 đồng, chị Võ Thị Yến N được khấu trừ vào số tiền đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002555 ngày 14/8/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố RG, tỉnh Kiên Giang.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, đương sự vắng mặt thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

*** Nơi nhận**:
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND Tp. RG;
- Chi cục THA dân sự Tp. RG;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Thạch Sô Phép